

# Một số ý kiến về đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội

DƯƠNG BÁ PHƯỢNG

**K**hoa học xã hội ngày càng được khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội, trong công cuộc xây dựng CNXH, trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong phát triển toàn diện con người và trong bảo vệ Tổ quốc XHCN. Các kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội đã và đang góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền tảng tư tưởng, xác lập cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chiến lược và chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như trong việc khẳng định nguồn gốc truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa dân tộc. Hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội là loại hình hoạt động trí não hết sức đặc thù. Kết quả sản phẩm của nó mang tính giá trị định tính rất cao, khó có thể đánh giá đo lường chính xác về mặt định lượng. Chi phí vật chất (vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị) không nhiều so với khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, song chi phí về thời gian lao động có hiệu quả là rất lớn. Vì vậy, việc quản lý tài chính đối với các hoạt động khoa học xã hội cần phải có cơ chế đặc thù, thích hợp.

## 1. Tính đặc thù của khoa học xã hội

Khoa học xã hội là một bộ phận trong hệ thống hoạt động khoa học-công nghệ, nó bao hàm tất cả những đặc điểm của khoa học-công nghệ, song cũng chứa đựng những đặc điểm riêng có.

Một là, khoa học xã hội vừa bao hàm nghiên cứu cơ bản, vừa nghiên cứu ứng dụng. Khoa học xã hội nghiên cứu những mối liên hệ phổ biến, phát triển của những mối quan hệ con người trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Hướng đích cuối cùng của hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội là giúp cho con người và xã hội

phát triển một cách toàn diện, thích ứng với mọi đổi thay của môi trường tự nhiên, xã hội và tư duy. Như vậy, khoa học xã hội vừa bao hàm cả nghiên cứu cơ bản như lịch sử, văn học, triết học, kinh tế học, xã hội học... lẫn nghiên cứu ứng dụng như điều tra, thẩm định, đánh giá các chương trình, dự án phát triển...

Hai là, nghiên cứu khoa học xã hội cơ bản dựa trên tư duy sáng tạo và kết quả của nó chủ yếu mang tính phát hiện và sáng tạo. Khoa học xã hội khác với khoa học tự nhiên và công nghệ ở chỗ không tiến hành nghiên cứu dựa trên các thực nghiệm ở phòng thí nghiệm mà dựa trên sự điều tra, khảo sát, nghiên cứu thực tiễn để tổng kết, đúc rút, khái quát, phát hiện các quy luật... trên cơ sở đó nêu lên các luận điểm, luận cứ và các kết luận khoa học. Cho nên, kết quả nghiên cứu của khoa học xã hội ít mang tính phát minh, sáng chế mà chủ yếu mang tính phát hiện và sáng tạo.

Nghiên cứu khoa học xã hội không thể chỉ thuần túy thông qua đọc sách, mà phải gắn kết với nghiên cứu phân tích: đánh giá thực tiễn và thường phải triển khai trên bình diện rộng, qui mô lớn và với phạm vi không gian rộng lớn. Vì vậy, chi phí nghiên cứu thường phải lớn và đầu tư chi phí cho lao động sống, trực tiếp cho con người chiếm tỷ trọng chủ yếu, lớn hơn nhiều so với lao động vật hóa.

Ba là, khoa học xã hội rất khó lượng hóa các sản phẩm và kết quả nghiên cứu. Sản phẩm của khoa học xã hội thường là các trang tác giả thể hiện ý tưởng, sự kiến giải và các đề xuất về lý luận và thực tiễn của tác giả. Tùy theo từng lĩnh vực khoa học xã hội mà yêu cầu về sản phẩm không giống nhau.

---

Dương Bá Phượng, TS, Viện KHXH Việt Nam.

Thông thường đó là một báo cáo tổng quan, một báo cáo tổng hợp, các báo cáo chuyên đề và báo cáo kiến nghị... Do vậy, việc tìm định chuẩn về lượng (số trang, độ dài, các loại hình sản phẩm...) và đặc biệt khi dùng chúng để làm căn cứ chi trả thù lao, phải hết sức linh hoạt và phù hợp.

*Bốn là, hiệu quả của nghiên cứu khoa học xã hội là tổng hợp của nhiều loại hiệu quả, trong đó quan trọng nhất là hiệu quả chính trị-xã hội.* Tác động của các kết quả nghiên cứu khoa học xã hội đối với xã hội thường rộng lớn, lâu dài và toàn diện, nhất là khi nó được sử dụng để hoạch định đường lối, chính sách, tạo ra nguyên lý phát triển xã hội. Vì vậy, không thể thuần túy nhìn vào khía cạnh hiệu quả trước mắt, hoặc chỉ đơn thuần xét trên bình diện hiệu quả kinh tế, mà phải xét trên quan điểm hiệu quả tổng hợp, lâu dài và toàn diện, trong đó đặc biệt chú ý tới hiệu quả chính trị-xã hội.

*Năm là, hoạt động khoa học xã hội đòi hỏi quá trình tự đào tạo, tích lũy kinh nghiệm kiến thức khá lâu dài mới đủ độ chín trong nghiên cứu.* Những người làm công tác nghiên cứu khoa học xã hội không thể chỉ sau khi có các bằng cấp, học vị là đã làm tốt công tác nghiên cứu, mà trái lại, học tập suốt đời. Nếu như các nhà khoa học tự nhiên và công nghệ có thể có các bằng phát minh, sáng chế từ lứa tuổi dưới 40 thì các nhà khoa học xã hội để có được những cống hiến sáng tạo có giá trị dứt khoát phải có tuổi đời trên 40 tuổi, thậm chí có những người phải đến tuổi sắp về hưu mới có những đóng góp. Cho nên, việc áp dụng chế độ tài chính (lương, định mức thù lao nghiên cứu) cho khoa học xã hội không thể giống như với khoa học tự nhiên và công nghệ, càng không thể như nhau ngay trong giới khoa học xã hội giữa các thế hệ.

### **2. Thực trạng cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội**

*a) Tình hình đầu tư tài chính đối với khoa học xã hội:*

*Trước hết, đó là nguồn đầu tư hạn chế.* Đối với khoa học-công nghệ, nguồn đầu tư tài

chính từ các doanh nghiệp cho các hoạt động nghiên cứu khoa học-công nghệ, mặc dù ở mức rất thấp, nhưng vẫn chiếm một tỷ lệ nhất định. Trong khi đó, đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp FDI cho các công trình nghiên cứu về khoa học xã hội, bao gồm cả các đề tài, dự án nghiên cứu về đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, chưa được các doanh nghiệp chú ý tới, nên hầu như không có. Nguồn đầu tư từ các dự án ODA, cũng như nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ cho khoa học xã hội thấp rất xa so với cho khoa học tự nhiên-công nghệ, và hầu như không đáng kể. Cho nên, nguồn đầu tư tài chính cho khoa học xã hội hầu như gần 100% là từ ngân sách nhà nước, trong đó có một số ngành, địa phương, đơn vị thì hoàn toàn từ ngân sách nhà nước.

*Hai là, tỷ trọng đầu tư cho khoa học xã hội còn thấp.* Hàng năm tỷ trọng đầu tư đối với khoa học xã hội chỉ chiếm khoảng 18-20% trong tổng đầu tư cho khoa học-công nghệ từ ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 1996-2000, có 7 chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước, gồm 70 đề tài và chuyên đề được triển khai thực hiện. Đầu tư kinh phí cho các chương trình khoa học xã hội cả 5 năm là 35,6 tỷ đồng, bình quân chỉ chiếm khoảng 3,5% tổng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học-công nghệ cấp Nhà nước. Giai đoạn 2001-2005, ban đầu triển khai thực hiện 8 chương trình khoa học xã hội cấp Nhà nước, gồm 79 đề tài, với tổng kinh phí đầu tư xấp xỉ 61,8 tỷ đồng. Trong khi đó, tỷ trọng đầu tư kinh phí cho 11 chương trình khoa học-công nghệ trọng điểm triển khai thực hiện trong giai đoạn 1996-2000 bình quân chiếm tới 25,5%, với tổng kinh phí là 262,3 tỷ đồng, gấp khoảng 7,4 lần mức đầu tư cho các chương trình khoa học xã hội. Bên cạnh đó, đầu tư kinh phí cho nghiên cứu cơ bản về khoa học tự nhiên chiếm khoảng 4,1% (hàng năm chiếm 3,7-5,2%) trong tổng đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học-công nghệ cấp Nhà nước, trong khi loại đầu tư này đối với khoa học xã hội không có. Đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học-công nghệ khác chiếm tới 55,4% (hàng

năm chiếm từ 43,5-67,5%) tổng đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học-công nghệ cấp Nhà nước.

Ở các địa phương, kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội chỉ chiếm khoảng trên dưới 20% tổng kinh phí dành cho hoạt động khoa học-công nghệ. Trong giai đoạn 1997-2002, tỷ lệ kinh phí ngân sách dành cho khoa học xã hội trong tổng kinh phí hoạt động khoa học-công nghệ ở Hải Phòng chiếm khoảng 17,4%, ở Lào Cai là 23,6%, ở Thanh hóa khoảng 38,3%, ở Bình Thuận là 14,5%, ở Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 11,6%, ở Bà Rịa-Vũng Tàu là 23,5%, ở Tây Ninh khoảng 18,1%, ở Vĩnh Long là 24,1%, ở Bạc Liêu khoảng 28,5% và ở Trà Vinh chỉ có 4,8%...

Ba là, mức đầu tư kinh phí cho các đề tài và các đơn vị nghiên cứu về khoa học xã hội còn quá thấp. Mức kinh phí đầu tư chung cho các đề tài khoa học, cũng như kinh phí hoạt động của các đơn vị nghiên cứu khoa học-công nghệ hiện được coi là còn thấp, song mức kinh phí đầu tư cho các đề tài và các đơn vị nghiên cứu về khoa học xã hội còn thấp hơn nhiều so với mức bình quân chung. Trong giai đoạn 1991-2000, bình quân mức đầu tư kinh phí cho một đề tài nghiên cứu khoa học nói chung là 45,7 triệu đồng, đề tài khoa học tự nhiên là 58,2 triệu đồng, đề tài khoa học kỹ thuật là 66,8 triệu đồng, trong khi đó đề tài khoa học xã hội là 27,7 triệu đồng.

### b) Về định mức chi tiêu tài chính

Định mức chi tiêu tài chính đối với các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, bao gồm cả khoa học xã hội, trước đây (giai đoạn 1995-2000) chủ yếu thực hiện theo Thông tư liên tịch số 49/TC-KHCN ngày 01-7-1995 và hiện nay (từ năm 2001 đến nay) chủ yếu thực hiện theo Thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18-6-2001 giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) "Hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ".

Thông tư 49/TC-KHCN quy định cơ cấu chi và tỷ lệ chi giữa các nội dung cho các lĩnh vực

khoa học. Các định mức chi chủ yếu theo ngày công và từng công việc cụ thể. Điểm đặc biệt là mức chi cho viết báo cáo các công trình nghiên cứu khoa học được định mức theo trang viết (25.000 đồng/trang), không gắn với chất lượng công trình, khuyến khích chạy theo số lượng trang, không phản ánh đúng thực chất chi phí lao động khoa học (chất xám) đối với các công trình.

Điểm khác chủ yếu giữa Thông tư số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT và Thông tư số 49/TC-KHCN là :

- Thông tư 45 không quy định tỷ trọng (%) kinh phí chi theo 5 nội dung của các chương trình, đề tài, dự án thuộc các lĩnh vực khoa học như Thông tư 49.

- Thông tư 45 quy định chi hoạt động nghiên cứu (chi cho "chất xám") dưới hình thức khoán theo các chuyên đề (không tính theo trang báo cáo). Trong đó, lĩnh vực nghiên cứu - xây dựng quy trình công nghệ và các giải pháp khoa học - công nghệ thì mức chi cho mỗi chuyên đề từ 7- 20 triệu đồng (đối với các đề tài, dự án cấp Nhà nước) và 4 - 12 triệu đồng (đối với các đề tài, dự án cấp bộ, tỉnh, thành phố); lĩnh vực nghiên cứu lý thuyết và khoa học xã hội thì mức chi cho mỗi chuyên đề từ 2 - 5 triệu đồng (đối với đề tài, dự án cấp Nhà nước) và từ 1 - 3 triệu đồng (đối với đề tài cấp bộ, tỉnh, thành phố).

- Thông tư 45 quy định thêm một số nội dung và mức chi như: chế độ thù lao chủ nhiệm đề tài, dự án; quy định mức chi phí quản lý đề tài, dự án... Đồng thời bãi bỏ một số nội dung và mức chi đã được quy định tại các văn bản khác, như : chế độ thù lao cán bộ đi điều tra khảo sát, thù lao người dẫn đường...

Nhìn chung, Thông tư 45 đã có những bước tiến đáng kể so với Thông tư 49, song vẫn còn nhiều bất cập. Qua nghiên cứu và khảo sát ở một số bộ, ngành, địa phương, cơ sở nghiên cứu cho thấy có *những bất cập về chế độ chi tiêu đối với khoa học - công nghệ như:*

- Mức chi cho các hội đồng tuyển chọn, xét duyệt đề cương và đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu còn thấp, đặc biệt là mức chi cho phản biện không đủ để bù đắp công sức

của người nhận xét. Với mức chi đó, nhiều địa phương không mời được các nhà khoa học có trình độ cao, có uy tín lớn ở Trung ương và các thành phố lớn về tham gia hội đồng.

- Mức khoán cho các chuyên đề khoa học, đặc biệt là các chuyên đề khoa học xã hội của Thông tư 45 còn quá thấp và cứng nhắc, mang tính hành chính. Hơn nữa, quy định khoán theo "chuyên đề" nhưng không làm rõ thế nào là "chuyên đề".

- Còn đồng nhất giữa những đề tài tiến hành triển khai ở các địa bàn khác nhau. Trong khi đó, công việc nghiên cứu ở vùng miền núi khác hẳn với công việc nghiên cứu ở vùng đồng bằng...

- Mức thù lao cho chủ nhiệm đề tài 150.000 đồng/tháng (đối với đề tài, dự án cấp Nhà nước) và 100.000 đồng/tháng (đối với đề tài, dự án cấp bộ, tỉnh, thành phố) là quá ít. Ngoài mức thù lao trên chủ nhiệm đề tài không được hưởng khoản thù lao nào khác, do đó không khuyến khích các chủ nhiệm đề tài tích cực và có trách nhiệm cao đối với kết quả nghiên cứu của đề tài.

- Quy định mức quản lý phí 10 triệu đồng/năm (đối với đề tài, dự án cấp Nhà nước) và 6 triệu đồng/năm (đối với đề tài cấp bộ, tỉnh, thành phố) của cơ quan chủ trì đề tài là quá cứng nhắc, mang nặng tính bình quân, không hợp lý với quy mô khác nhau của các đề tài, dự án.

- Không có khoản kinh phí chi cho các hoạt động kiểm tra thực hiện đề tài, dự án của các cơ quan quản lý, chủ quản.

*c) Một số vấn đề đặt ra:*

*Một là, cơ chế phân bổ đầu tư ngân sách cho khoa học - công nghệ nói chung, cho khoa học xã hội nói riêng hiện còn thiếu rõ ràng, bất cập.* Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 2 (Khoá VIII) và Nghị quyết kỳ họp thứ 6 Quốc hội Khoá X đề ra mức đầu tư ngân sách cho khoa học - công nghệ là 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Từ năm 2000 đến nay, về cơ bản, Nhà nước đã phân bổ đầu tư kinh phí ngân sách cho khoa học - công nghệ đáp ứng tỷ lệ này. Song, hiện vẫn chưa có cơ chế phân bổ đầu tư cho từng lĩnh vực

khoa học, đặc biệt đối với khoa học xã hội. Vì vậy, việc phân bổ đầu tư cho khoa học xã hội trong những năm qua còn tùy tiện ở cả Trung ương lẫn địa phương. Sự thiếu rõ ràng và bất cập đó đã dẫn đến sự co kéo trong quá trình thảo luận phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm và mức đầu tư cho khoa học xã hội còn quá thấp, không đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học xã hội.

*Hai là, hệ thống các tiêu chuẩn, định mức chi cho nghiên cứu khoa học nói chung, cho khoa học xã hội nói riêng qua từng năm hoạt động đã bộc lộ nhiều tồn tại, bất cập và lạc hậu xa so với nhu cầu thực tiễn.* Sự bất hợp lý và nhanh chóng bị lạc hậu trong chế độ, định mức chi tiêu nghiên cứu khoa học đã gây nên tình trạng "nói dối" trong thanh quyết toán tài chính. Để thu hút được các nhà khoa học có trình độ cao tham gia vào các Hội đồng tuyển chọn, đánh giá nghiệm thu các công trình cũng như việc thực hiện nghiên cứu nhằm đảm bảo chất lượng của các công trình nghiên cứu khoa học, nhiều địa phương, đơn vị đã phải chi cao hơn so với chế độ định mức hiện hành. Để giải trình công việc hợp với các khoản, mục và định mức chi ngân sách, các đề tài, dự án buộc phải dùng các thủ thuật theo kiểu "dong công, phóng điểm" giống như xã viên hợp tác xã thời kỳ trước khoán sản phẩm. Nếu như trước kia, để đối phó với Thông tư 49/TC-KHCN, các đề tài thường đề ra những số trang không cần thiết, thì hiện nay, để đối phó với Thông tư 45/TTLT/BTC-BKHCNMT, các đề tài cũng sẵn sàng tạo ra các chuyên đề giả, danh sách hội thảo khoa học giả... Giữa chi phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực và chứng từ tài chính có thể rất khác nhau.

*Ba là, hệ thống mẫu biểu báo cáo và chứng từ thanh quyết toán tài chính còn rườm rà, phức tạp.* Hệ thống mẫu biểu báo cáo và chứng từ thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quá rườm rà, phức tạp. Rất nhiều mẫu biểu báo cáo tài chính quá rườm rà, chi tiết, trùng lặp lẫn nhau. Hệ thống chứng từ thanh quyết toán quá tỉ mỉ, chi tiết được thiết lập trên một nền tảng định

mức chi tiêu bất hợp lý và lạc hậu, làm cho hệ thống chứng từ không thật sự chính xác, và phức tạp. Kéo theo nó là việc kiểm tra, kiểm soát chi tiêu ngân sách khó thực hiện được một cách chặt chẽ, chính xác và còn tạo nên những kẽ hở cho các hiện tượng tiêu cực nảy sinh. Mặt khác, với hệ thống chứng từ tài chính quá tỉ mỉ, rườm rà, phức tạp và cứng nhắc đó phần nào làm nản lòng các nhà khoa học, nhất là các nhà khoa học có trình độ cao tham gia đăng ký tuyển chọn, nghiên cứu các đề tài khoa học, do phải đầu tư quá nhiều thời gian và công sức vào việc thiết lập hệ thống chứng từ và làm thủ tục, thanh quyết toán.

Bốn là, mối quan hệ giữa chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đang nảy sinh những vấn đề phức tạp. Sự phân định thiếu rõ ràng quyền lợi và trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài làm cho công tác quản lý tài chính đối với hoạt động nghiên cứu khoa học gặp không ít khó khăn, làm nảy sinh mâu thuẫn giữa phát huy quyền độc lập tự chủ của các chủ nhiệm đề tài với vai trò quản lý, điều hành chi tiêu tài chính của thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách. Có đơn vị cho rằng, chủ nhiệm đề tài, dự án là người có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả nghiên cứu thì để mặc chủ nhiệm đề tài, dự án tự xoay xở và toàn quyền quyết định việc sử dụng kinh phí. Ngược lại, với quan niệm rằng, kinh phí đề tài, dự án phải thuộc về của chung đơn vị và chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm đối với việc làm và đời sống của mọi thành viên trong tập thể, một số đơn vị đã can thiệp điều tiết kinh phí của đề tài, dự án. Cả hai trường hợp đều ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án.

### 3. Phương hướng đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội

a) *Quan điểm đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội:*

Một là, đổi mới cơ chế tài chính phải đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả cao trong nghiên cứu khoa

học gắn với kết quả đầu ra của các đề tài, dự án. Nó phải đảm bảo cho các công trình nghiên cứu đạt được kết quả với chất lượng cao, trên cơ sở những chi phí tài chính hợp lý nhất, ít tốn kém và không có những khoản chi lãng phí bất hợp lý. Hiệu quả cao đối với việc sử dụng kinh phí trong nghiên cứu khoa học xã hội cần phải gắn với kết quả đầu ra của các đề tài, dự án, phải trên cơ sở đánh giá chất lượng kết quả nghiên cứu cuối cùng của các đề tài, dự án. Đồng thời phải gắn bó chặt chẽ với việc đánh giá được cống hiến thực sự của các nhà khoa học đối với mỗi công trình nghiên cứu.

Hai là, đổi mới cơ chế tài chính phải nhằm mục đích làm cho quá trình chi tiêu tài chính (sử dụng kinh phí) thực sự minh bạch. Vì vậy, đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học - công nghệ nói chung, đối với khoa học xã hội nói riêng đòi hỏi phải đảm bảo cho quá trình sử dụng kinh phí - ngân sách thực sự rõ ràng, minh bạch. Nó đòi hỏi phải đổi mới cả chế độ định mức chi tiêu, hệ thống sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính, lần qui trình, thủ tục lập, xét duyệt, giao dự toán, rút dự toán thực hiện và thanh quyết toán tài chính trên cơ sở hợp lý, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, đảm bảo cho quá trình sử dụng kinh phí thực sự đúng mục đích, đúng nội dung và hợp lý. Cơ quan quản lý các cấp nắm được thực chất quá trình sử dụng kinh phí của các đơn vị, của các đề tài, dự án.

Ba là, đổi mới cơ chế tài chính phải kết hợp chặt chẽ với việc đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học, trong đó khâu quan trọng trực tiếp là tuyển chọn người thực hiện đề tài, dự án và nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu. Vì vậy, việc đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học - công nghệ nói chung, đối với khoa học xã hội nói riêng phải được tiến hành đồng thời, song song, đồng bộ với việc đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học. Nó đòi hỏi phải đổi mới và thực hiện tốt quá trình tuyển chọn người thực hiện đề tài, dự án và đánh giá nghiêm túc kết quả thực hiện đề tài, dự án.

b) *Phương hướng đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội:*

*Trước hết, đó là việc đổi mới định mức phân bổ ngân sách và định mức chi tiêu đối với khoa học xã hội.*

Định mức phân bổ ngân sách và định mức chi tiêu ngân sách là căn cứ rất quan trọng để xây dựng, phân bổ, giao dự toán kinh phí - ngân sách, để sử dụng và thanh quyết toán tài chính. Bởi vậy, việc tiến hành đổi mới định mức phân bổ ngân sách và định mức chi tiêu ngân sách cho hoạt động khoa học xã hội là khâu quan trọng đầu tiên trong quá trình đổi mới cơ chế tài chính. Không nên áp dụng định mức phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính, cũng như cho các đơn vị sự nghiệp nói chung để phân bổ ngân sách cho các đơn vị nghiên cứu khoa học xã hội.

Kinh phí hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị nghiên cứu khoa học xã hội trước hết là kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở (viện, trường), với tính chất là hoạt động nghiên cứu cơ bản. Nghiên cứu cơ bản đối với khoa học xã hội không chỉ đơn thuần là nghiên cứu lý thuyết, mà là sự gắn bó chặt chẽ giữa nghiên cứu lý luận với nghiên cứu thực tiễn, gắn liền với các hoạt động đi xâm nhập thực tế, thu hút nhiều người tham gia. Vì thế, khối lượng kinh phí đầu tư cho nghiên cứu cơ bản của khoa học xã hội là rất lớn.

Bên cạnh đó, các hoạt động phục vụ, hỗ trợ nghiên cứu đối với khoa học xã hội rất nhiều. Đó là các hoạt động phục vụ đầu vào của hoạt động nghiên cứu, như thông tin - tư liệu- thư viện, đào tạo nâng cao trình độ cán bộ, trao đổi thông tin, sách báo, tài liệu trong và ngoài nước-đã và đang đòi hỏi một lượng đầu tư kinh phí rất lớn, đặc biệt trong điều kiện mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế. Ngoài ra, việc đầu tư cho các hoạt động tạp chí và xuất bản để công bố kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học xã hội cũng đòi hỏi một khối lượng kinh phí không nhỏ. *Bởi vậy, định mức phân bổ ngân sách hoạt động thường xuyên cho các đơn vị nghiên cứu khoa học xã hội phải ở mức cao hơn nhiều so với các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp thông thường khác.*

Tương tự như vậy, định mức chi tiêu đối với khoa học - công nghệ nói chung, đối với khoa học xã hội nói riêng cũng không thể giống tuyệt đối như các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp khác. Định mức chi tiêu cho công tác nghiên cứu, điều tra, khảo sát thực tiễn của các cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội không thể giống với định mức chi tiêu của các cuộc điều tra thống kê thông thường, càng không thể giống với định mức công tác phí của các cán bộ hành chính và của các đơn vị sự nghiệp khác. Định mức chi tiêu hội thảo khoa học cũng không thể giống với định mức chi tiêu của các hội nghị thông thường khác. Nhiều nội dung hoạt động trong nghiên cứu khoa học xã hội rất khó định lượng chính xác mức chi phí cần thiết. Cho nên, việc qui định mức chi tiêu ngân sách cho các hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội một cách cứng nhắc theo lối hành chính và đồng nhất với nhiều hoạt động quản lý hành chính và hoạt động sự nghiệp thông thường khác là không hợp lý, thiếu tính thực tiễn và không khả thi. *Vì vậy, phương hướng đổi mới định mức chi tiêu đối với các hoạt động khoa học xã hội là theo phương thức qui định khung mức tối đa và tối thiểu, đồng thời thực hiện việc giao khoán mức chi tiêu cho từng nội dung hoạt động và từng nhóm việc.*

*Hai là, đổi mới phương thức lập, xét duyệt và giao dự toán kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học.*

Xây dựng, xét duyệt, giao dự toán kinh phí - ngân sách là một khâu rất quan trọng trong công tác quản lý tài chính. Nó đòi hỏi phải đổi mới qui trình và phương pháp lập, thẩm định, xét duyệt và giao dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo hướng đơn giản, thuận tiện nhưng phải thật sự khoa học và đảm bảo độ chính xác cao. Căn cứ để xây dựng và thẩm định, xét duyệt dự toán là nội dung hoạt động nghiên cứu của các nhiệm vụ và định mức chi tiêu khoa học, hợp lý, phù hợp thực tế. Vì thế, nội dung khoa học, các công việc cụ thể của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cần phải được xác lập một cách đầy đủ, rõ ràng, chính xác và phải được thẩm

định, xét duyệt kỹ càng, nghiêm túc. Cần xác định khối lượng công việc thật chi tiết cụ thể, kể cả các hoạt động nghiên cứu lý luận. Trên cơ sở nội dung hoạt động đã được xác định đầy đủ, rõ ràng, chính xác cùng với định mức chi tiêu hợp lý, khoa học, sát thực, công tác lập, thẩm định và xét duyệt dự toán kinh phí phải bám sát các nội dung công việc để tiến hành. Công tác lập, thẩm định, xét duyệt, giao dự toán phải làm đồng thời và trên cơ sở của việc xây dựng, thẩm định, xét duyệt đề cương và giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Cán bộ làm công tác thẩm định, xét duyệt dự toán kinh phí, ngoài những hiểu biết sâu về chuyên môn nghiệp vụ của công tác quản lý tài chính và chế độ chính sách tài chính, còn phải am hiểu ở mức độ nhất định về nội dung công việc hoạt động nghiên cứu khoa học của những nhiệm vụ được thẩm định, xét duyệt.

Mặt khác, cần thiết lập hệ thống cơ chế lập kế hoạch ngân sách cấp cho hoạt động nghiên cứu khoa học theo khuôn khổ trung hạn với lối cuốn chiếu trong 3 năm liên tục liên kế, thực hiện xây dựng dự toán nghiên cứu khoa học trên cơ sở khuôn khổ chi tiêu trung hạn và thay đổi tư duy xây dựng kế hoạch ngân sách trên cơ sở nguồn lực hiện có bằng phong cách quản lý chi tiêu công chủ yếu dựa trên cơ sở kết quả đầu ra. Đó là việc thực hiện quản lý ngân sách cấp cho hoạt động khoa học dựa theo kết quả đầu ra trên cơ sở không tính toán, lập dự toán ngắt đoạn theo từng năm mà thực hiện các tính toán, dự báo trong khoảng thời gian 3 năm. Dự toán ngân sách được tính toán cuốn chiếu một cách liên tục tạo ra khuôn khổ tài khoá trung hạn ở cấp vĩ mô và khuôn khổ chi tiêu trung hạn cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Hàng năm, kế hoạch ngân sách được xác lập cho một năm và được đặt trong bối cảnh dự báo cho 2 năm liên kế sau đó. Đồng thời, thực hiện biện pháp không hạn chế giới hạn kinh phí ngân sách cấp chỉ có giá trị đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

*Ba là, đổi mới quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán tài chính theo hướng tăng cường tự chủ cho các chủ nhiệm đề tài, dự án.*

Quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán tài chính là khâu căn bản của công tác quản lý tài chính. Đổi mới quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán tài chính theo hướng tăng cường tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách và các chủ nhiệm đề tài, dự án là rất cần thiết. Hướng đổi mới nên tập trung vào sự phân cấp tiếp tục trách nhiệm, quyền hạn trong quản lý kinh phí tới các chủ nhiệm đề tài, dự án từ khâu chấp hành tới khâu quyết toán kinh phí. Trên cơ sở đề cương nội dung của các nhiệm vụ nghiên cứu và dự toán kinh phí đã được thẩm định, xét duyệt kỹ càng, chính xác, cần phải đảm bảo nâng cao quyền tự chủ về tài chính và tự chủ trong nghiên cứu đối với các chủ nhiệm đề tài, dự án. Chủ nhiệm các đề tài, dự án được quyền phân phối cho các nhu cầu chi theo hướng thúc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng của đề tài, dự án trong phạm vi kinh phí của đề tài, dự án đã được duyệt; được phép quyết định mức kinh phí cho từng nội dung, chuyên đề nghiên cứu phù hợp với khối lượng công việc cần thực hiện giao cho các cá nhân thực hiện. Thủ trưởng và bộ phận tài chính - kế toán của đơn vị chỉ kiểm soát tổng mức kinh phí dành cho mỗi đề tài, dự án và có trách nhiệm làm thủ tục chuẩn chi cho các nhu cầu chi hợp lệ của các đề tài, dự án gửi kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện, tổ chức hạch toán các nghiệp vụ chi tiêu kinh phí của các đề tài, dự án thực tế phát sinh, tổng hợp và làm các báo cáo tình hình quản lý và sử dụng kinh phí của các đề tài, dự án thực tế đã triển khai tại đơn vị gửi các cơ quan có thẩm quyền quản lý các loại đề tài, dự án đó theo đúng qui định.

Trọng tâm của đổi mới quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán tài chính là *gắn việc kiểm soát chi tiêu, tiến hành thanh quyết toán tài chính với việc kiểm soát “đầu ra” của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.* Đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát “đầu ra” về chuyên môn tương ứng với các khoản chi phí cho mỗi nội dung thuộc “đầu ra” đó. Nghĩa là phải kết hợp chặt chẽ giữa nghiệm thu kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học với việc kiểm soát, duyệt chi, quyết toán tài chính cho từng nội dung, nhiệm vụ.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán tài chính gắn với kiểm soát kết quả đầu ra của các đề tài, dự án sẽ tiến hành *giảm thiểu và đơn giản hóa các thủ tục, chứng từ trong thanh quyết toán tài chính theo phương thức khoán gọn cho các nội dung và từng nhóm việc, tiến tới khoán gọn cho từng đề tài, dự án.*

Trên cơ sở dự toán kinh phí của từng nội dung, nhóm việc, đề tài, dự án đã được thẩm định, phê duyệt kỹ càng, chính xác có thể khoán chi theo các nội dung, nhóm việc gắn với kết quả đầu ra đã được nghiệm thu hoàn thành. *Lộ trình khoán gọn được thực hiện từ khoán theo các chuyên đề, đề tài nhánh, tiểu dự án, công việc điều tra, phỏng vấn, hoặc theo từng nhóm công việc cụ thể... tiến tới khoán gọn cho toàn bộ đề tài, dự án.* Khi thực hiện việc khoán gọn với từng khối lượng công việc cụ thể, người nhận thực hiện sẽ ký hợp đồng với chủ nhiệm đề tài hoặc cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ, tương ứng với nhiệm vụ được giao thực hiện khoán chi một khoản kinh phí nhất định, khi hoàn thành nghiệm thu được thanh toán đúng với số kinh phí được khoán và chỉ phải lập một chứng từ biên nhận (thanh toán) duy nhất cho công việc được khoán mà không cần phải thiết lập nhiều loại chứng từ rườm rà, phức tạp. Làm như vậy sẽ giảm thiểu và đơn giản hóa hệ thống chứng từ và thủ tục thanh quyết toán, tạo điều kiện khuyến khích các nhà khoa học chuyên tâm vào hoạt động chuyên môn, đầu tư chất xám vào các hoạt động khoa học, không bị phân tán hoặc mất nhiều thời gian vào thiết lập hệ thống chứng từ và làm thủ tục thanh quyết toán. Chính nó cũng tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý dễ dàng kiểm soát được quá trình sử dụng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

#### **4. Một số điều kiện và giải pháp nhằm thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội**

*Một là, đổi mới cơ chế tuyển chọn, giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.*

Đổi mới phương thức tuyển chọn, giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nhằm lựa

chọn đúng người làm chủ nhiệm đề tài, dự án và cơ quan (đơn vị) chủ trì là biện pháp hết sức quan trọng nhằm giảm thiểu những rủi ro trong đầu tư đối với khoa học - công nghệ nói chung, đối với khoa học xã hội nói riêng. Cần phải áp dụng phương thức tuyển chọn người làm chủ nhiệm đề tài, dự án và cơ quan (đơn vị) chủ trì trên cơ sở công khai, bình đẳng, dân chủ. Xây dựng và tăng cường áp dụng cơ chế “cạnh tranh” lành mạnh khi tuyển lựa các chủ nhiệm đề tài, dự án. Xác định rõ và khuôn giới hạn đối với những loại đề tài, dự án điều tra, nghiên cứu khoa học thuộc diện giao, chỉ định trực tiếp. Đó là các nhiệm vụ khoa học mà chỉ có một nơi đủ khả năng, năng lực đảm nhiệm, những nhiệm vụ khoa học thuộc về bảo mật quốc gia, những nhiệm vụ khoa học có tính nhạy cảm không nên phổ biến rộng rãi. Còn đại bộ phận các loại đề tài, dự án điều tra, nghiên cứu khoa học nên tiến hành tuyển chọn theo phương thức “đấu thầu” công khai, dân chủ, bình đẳng.

Hàng năm, cơ quan quản lý khoa học các cấp (được uỷ quyền) công bố rộng rãi nhu cầu nghiên cứu để các đối tượng có khả năng sẽ tham gia dự tuyển. Những tiêu chuẩn đưa ra nhằm tuyển lựa cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án phải gắn chặt giữa cá nhân và đơn vị với tư cách là tiêu chí phức hợp để chọn lựa đúng người, đúng cơ quan thực hiện. Thành lập hội đồng tuyển chọn các cấp phải quy định rõ ràng, cụ thể, công khai các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn cho các cấp quản lý để tuyển chọn đúng người, đúng cơ quan (đơn vị) chủ trì thực hiện đề tài, dự án và *phải chịu trách nhiệm về việc tư vấn của mình.* Thành viên hội đồng phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của ngành, liên ngành. Kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai.

*Hai là, đổi mới qui trình và phương pháp quản lý, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ điều tra, nghiên cứu khoa học.*

Khi các nhiệm vụ điều tra, nghiên cứu khoa học được phê duyệt, giao nhiệm vụ cho



các cá nhân, đơn vị thực hiện, cơ quan quản lý các cấp cần phải tăng cường công tác quản lý, kiểm tra theo những phương thức linh hoạt khác nhau nhằm đảm bảo cho quá trình triển khai thực hiện điều tra, nghiên cứu của các đề tài, dự án đạt kết quả tốt. Công tác quản lý, kiểm tra phải bắt đầu từ cơ quan chủ trì đề tài, đến cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ. Quá trình quản lý, kiểm tra nhằm đảm bảo nắm vững tiến độ triển khai thực hiện đề tài, dự án, phát hiện những vướng mắc, khó khăn và giúp đỡ các chủ nhiệm đề tài, dự án tháo gỡ, khắc phục, đẩy mạnh tiến độ và thực hiện có kết quả các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với các đề tài, dự án; đồng thời đảm bảo không can thiệp quá sâu làm cản trở đến quyền tự chủ của các chủ nhiệm đề tài, dự án trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu tài chính. Vì vậy, phương thức quản lý, kiểm tra phải linh hoạt, đa dạng với nhiều phương pháp và qui trình, thời điểm khác nhau.

Để đảm bảo quyền lợi phù hợp với nghĩa vụ - trách nhiệm phải thực hiện và có nguồn kinh phí để chủ động thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, đồng thời không ảnh hưởng tới số lượng kinh phí triển khai thực hiện đề tài, dự án; trong cơ cấu dự toán kinh phí của các đề tài, dự án cần bao gồm cả chi phí quản lý của cơ quan chủ trì, cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ. Tổng chi phí quản lý phải đảm bảo chiếm khoảng trên dưới 10% tổng kinh phí của các đề tài, dự án. Trong đó, chi phí quản lý của cơ quan chủ trì chiếm khoảng 5 -6 %, cơ quan chủ quản chiếm khoảng 2 -3% và cơ quan quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ chiếm khoảng 1 -2%. Tổng chi phí quản lý được giao trong tổng dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án; chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện các thủ tục trích chuyển về cho cơ quan quản lý các cấp để chi tiêu cho hoạt động quản lý, kiểm tra, tiến hành hạch toán, kế toán và quyết toán trong tổng kinh phí của đề tài, dự án.

*Ba là, đổi mới và tăng cường công tác nghiên cứu, đánh giá kết quả nghiên cứu của*

*các đề tài, dự án:*

Công tác nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu hoàn thành của các đề tài, dự án là điều kiện và giải pháp quan trọng bậc nhất (không thể thiếu) nhằm đảm bảo để đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học - công nghệ nói chung, khoa học xã hội nói riêng, nhất là khi thực hiện khoán kinh phí. Việc đổi mới cơ chế tài chính theo hướng khoán kinh phí gắn chặt với kết quả đầu ra *chỉ thực hiện được và thực hiện có hiệu quả khi công tác nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án tiến hành một cách nghiêm túc, khách quan, đánh giá đúng chất lượng kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án.*

Nhìn lại việc thực hiện khoán gọn kinh phí đề tài, dự án nghiên cứu trong thời kỳ 1997 - 1998, lãnh đạo Sở Khoa học - công nghệ tỉnh Bạc Liêu cho rằng, khoán gọn là con dao hai lưỡi. Bên cạnh cái được là đơn giản hóa thủ tục cho các nhà khoa học, làm cho các nhà khoa học chuyên tâm, hăng hái nghiên cứu, thì trong một số trường hợp, khi những điều kiện khác không đảm bảo, nhất là công tác đánh giá, nghiệm thu làm chưa tốt, thì khoán gọn cũng tạo điều kiện cho sự móc ngoặc giữa cơ quan quản lý khoa học và người làm khoa học, việc quản lý tài chính không những không tốt hơn mà chất lượng nghiên cứu cũng không được cải thiện...

Nghiệm thu, đánh giá chất lượng công trình nghiên cứu là cơ sở để quản lý tài chính có hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học xã hội không hoàn toàn giống với các công trình nghiên cứu về khoa học - kỹ thuật, càng không thể giản đơn như xem xét giá trị sử dụng của một loại hàng hóa thông thường. Vì vậy, cần phải có những quy trình và phương pháp nghiệm thu, đánh giá thích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội mang lại hiệu quả thiết thực.

Nhìn chung, phổ biến hiện giá trị của một công trình nghiên cứu khoa học nói chung, của khoa học xã hội nói riêng là khá rộng. Ngay từ khi xây dựng đề cương, hình hài cơ

bản của công trình nghiên cứu khoa học đã có thể thể hiện qua mục tiêu nghiên cứu, vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết, nội dung và phương pháp nghiên cứu... Theo đà triển khai của các đề tài, dự án, các thuộc tính của công trình dần tiếp tục bộc lộ, tuy nhiên chưa thể bộc lộ hoàn toàn tại thời điểm đề tài, dự án vừa mới hoàn thành. Ý nghĩa đích thực hàm chứa trong sản phẩm của các nhà khoa học sẽ được khẳng định thông qua sự thừa nhận của xã hội hoặc ứng dụng thành công vào thực tế. Nghĩa là, người ta có thể nhận biết giá trị của một đề tài nghiên cứu khoa học ở nhiều thời điểm khác nhau nhưng không hoàn toàn giống nhau. Vì vậy, *qui trình đánh giá cần tiến hành theo nhiều vòng, nhiều thời điểm và thích hợp với mỗi thời điểm có những phương pháp đánh giá khác nhau.*

Việc xem xét tiềm năng khoa học và khả năng đầu tư kinh phí nên tiến hành ngay từ khâu đề cương nghiên cứu. Đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án hoàn thành (và các cuộc kiểm tra đánh giá định kỳ) là sự tiếp nối của đánh giá đề cương sau khi tác giả đã có những điều kiện (kinh phí, thời gian, nhân lực...) thực hiện các ý đồ của mình. Mục đích của đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu nhằm xác định mức độ thực hiện các cam kết và mức độ giải quyết các vấn đề đã được đặt ra từ đề cương ban đầu. Trên cơ sở mức độ giải quyết các vấn đề đặt ra, đưa ra những kiến nghị cụ thể: có hay không ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế, định hướng ứng dụng vào thực tế như thế nào; thay vì phải nhận định về ý nghĩa thực tiễn chung chung của công trình nghiên cứu. Mặt khác, cần nâng cao phẩm chất, năng lực và trách nhiệm của Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án. Thành lập Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả nghiên cứu phải bao gồm các nhà khoa học có phẩm chất tốt, trình độ hiểu biết sâu rộng trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án, phải thật sự khách quan, trung thực và công tâm. *Hội đồng phải có trách nhiệm về kết luận nghiệm thu đánh giá của mình trước cơ*

quan quản lý Nhà nước về khoa học - công nghệ các cấp. Cần kết hợp việc đánh giá nghiệm thu công khai với hình thức đánh giá (phản biện) kín (giữa người đánh giá và người được đánh giá) và đánh giá độc lập (giữa các thành viên đánh giá)... nhằm tăng tính khách quan, trung thực và nghiêm túc trong đánh giá nghiệm thu.

Quy trình đánh giá kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nói chung, của khoa học xã hội nói riêng không dừng lại ở đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án hoàn thành, mà phải tiếp tục ở những thời điểm tiếp theo để xác định hiệu quả kinh tế - xã hội của nó. Sau 3- 5 năm, kể từ khi đề tài, dự án hoàn thành nghiệm thu, cần tiến hành đánh giá mức độ chấp nhận của xã hội về các kết quả nghiên cứu của nó. Tại thời điểm này, việc đánh giá cần làm rõ mức độ thừa nhận của xã hội, mức độ và phạm vi ứng dụng đối với các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án ra sao. Cụ thể là, các kết luận và kiến nghị của đề tài được các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách và các cơ quan quản lý các cấp sử dụng được bao nhiêu, sử dụng như thế nào và sử dụng ở đâu? Các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án đã được công bố bằng những ấn phẩm gì, ở đâu, bao nhiêu ấn phẩm và dư luận xã hội phản ứng (thừa nhận, tiếp thu hay phản đối) ra sao với các kết quả nghiên cứu đã được công bố. Trong thời gian từ 10 - 20 năm, sau khi đề tài, dự án hoàn thành nghiệm thu, cần tiến hành đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các công trình nghiên cứu. Tại thời điểm này, cần đánh giá những kết luận và kiến nghị của các đề tài, dự án được các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách, cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các cơ quan (đơn vị) quản lý sản xuất kinh doanh sử dụng, để hình thành những đường lối, chính sách, giải pháp quản lý mới... và chúng đã tác động tới tình hình kinh tế - xã hội, tới tình hình sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp ra sao, đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội như thế nào? Cần phải lượng hóa mức độ hiệu quả kinh tế - xã hội thu được, so sánh đối chiếu với

mức độ đầu tư để làm rõ mức độ hiệu quả của chúng.

*Bốn là, đổi mới cơ chế tài chính công theo hướng tăng cường tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách, các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học.*

Việc đổi mới cơ chế tài chính công, đổi mới quản lý sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng khoán chi thường xuyên cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, đặc biệt đối với các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học sẽ tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu có hiệu quả, trong đó có các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học, các đơn vị sử dụng ngân sách thường là các đơn vị chủ trì của các đề tài, dự án cấp bộ, ngành, địa phương và cấp Nhà nước. Một khi các đơn vị được đảm bảo quyền tự chủ trong quản lý tài chính - ngân sách cũng sẽ nâng cao vai trò trách nhiệm, quyền hạn để quản lý tốt, quản lý có hiệu quả, đồng thời sẽ tạo điều kiện tốt cho các chủ nhiệm đề tài, dự án sử dụng có hiệu quả kinh phí được giao để triển khai thực hiện nghiên cứu các đề tài, dự án đạt kết quả cao.

Sự phân định trách nhiệm, quyền hạn giữa chủ nhiệm đề tài, dự án với thủ trưởng đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị chủ trì đề tài trong sử dụng kinh phí, trong kiểm soát chi tiêu kinh phí của các đề tài, dự án là trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ của các chủ nhiệm đề tài, dự án của thủ trưởng đơn vị chủ trì, đơn vị sử dụng ngân sách. Đến lượt cơ quan quản lý các cấp phải tôn trọng quyền tự chủ của thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trong việc quyết định sử dụng ngân sách nhằm thực hiện có kết quả cao các nhiệm vụ được giao. Thủ trưởng đơn vị chủ trì, đơn vị sử dụng ngân sách cần và chỉ nên can thiệp vào việc sử dụng kinh phí của các chủ nhiệm đề tài, dự án, một khi phát hiện thấy những dấu hiệu sử dụng kinh phí không đúng mục

đích, không nhằm mục đích triển khai thực hiện có kết quả của đề tài, dự án, cũng như tiến độ thực hiện đề tài, dự án bị chậm lại... Cơ quan quản lý các cấp cũng cần và chỉ nên can thiệp vào việc quản lý sử dụng ngân sách của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học, các đơn vị sử dụng ngân sách, một khi phát hiện thấy những dấu hiệu sử dụng sai mục đích, không dành kinh phí cho việc triển khai các nhiệm vụ chủ yếu được giao và tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao quá chậm...

*Như vậy, đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội nhằm nâng cao quyền tự chủ của các chủ nhiệm đề tài, dự án, đảm bảo hiệu quả cao trong nghiên cứu khoa học gắn với kết quả đầu ra của các đề tài, dự án. Đó là việc đổi mới định mức phân bổ ngân sách và định mức chi tiêu, là đổi mới phương thức lập, xét duyệt và giao dự toán kinh phí đối với hoạt động khoa học xã hội. Đặc biệt là việc đổi mới quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán tài chính theo hướng khoán gọn kinh phí gắn với nghiệm thu đánh giá chính xác kết quả đầu ra của các đề tài, dự án. Để đảm bảo thực hiện tốt phương hướng đổi mới cơ chế tài chính, cần phải thực thi một số giải pháp hỗ trợ đồng bộ./.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn kiện Đại hội VIII và IX của Đảng CSVN.
2. Nghị quyết hội nghị TƯ Đảng lần thứ 2 (khoá VIII).
3. Luật Khoa học - công nghệ và Luật Ngân sách nhà nước.
4. Thông tư 49/TC-KHCN và Thông tư 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT của Liên bộ Tài chính - Khoa học và công nghệ.
5. Khoa học và công nghệ Việt Nam 1996-2000 và 2001 - Bộ KH- CN.
6. Báo cáo kết quả điều tra, nghiên cứu của dự án RAPOGE.
7. Báo cáo của Sở Khoa học - công nghệ các tỉnh, thành phố.

mức độ đầu tư để làm rõ mức độ hiệu quả của chúng.

*Bốn là, đổi mới cơ chế tài chính công theo hướng tăng cường tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách, các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học.*

Việc đổi mới cơ chế tài chính công, đổi mới quản lý sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng khoán chi thường xuyên cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, đặc biệt đối với các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học sẽ tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ nghiên cứu và phục vụ nghiên cứu có hiệu quả, trong đó có các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học, các đơn vị sử dụng ngân sách thường là các đơn vị chủ trì của các đề tài, dự án cấp bộ, ngành, địa phương và cấp Nhà nước. Một khi các đơn vị được đảm bảo quyền tự chủ trong quản lý tài chính - ngân sách cũng sẽ nâng cao vai trò trách nhiệm, quyền hạn để quản lý tốt, quản lý có hiệu quả, đồng thời sẽ tạo điều kiện tốt cho các chủ nhiệm đề tài, dự án sử dụng có hiệu quả kinh phí được giao để triển khai thực hiện nghiên cứu các đề tài, dự án đạt kết quả cao.

Sự phân định trách nhiệm, quyền hạn giữa chủ nhiệm đề tài, dự án với thủ trưởng đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị chủ trì đề tài trong sử dụng kinh phí, trong kiểm soát chi tiêu kinh phí của các đề tài, dự án là trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ của các chủ nhiệm đề tài, dự án của thủ trưởng đơn vị chủ trì, đơn vị sử dụng ngân sách. Đến lượt cơ quan quản lý các cấp phải tôn trọng quyền tự chủ của thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách trong việc quyết định sử dụng ngân sách nhằm thực hiện có kết quả cao các nhiệm vụ được giao. Thủ trưởng đơn vị chủ trì, đơn vị sử dụng ngân sách cần và chỉ nên can thiệp vào việc sử dụng kinh phí của các chủ nhiệm đề tài, dự án, một khi phát hiện thấy những dấu hiệu sử dụng kinh phí không đúng mục

đích, không nhằm mục đích triển khai thực hiện có kết quả của đề tài, dự án, cũng như tiến độ thực hiện đề tài, dự án bị chậm lại... Cơ quan quản lý các cấp cũng cần và chỉ nên can thiệp vào việc quản lý sử dụng ngân sách của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học, các đơn vị sử dụng ngân sách, một khi phát hiện thấy những dấu hiệu sử dụng sai mục đích, không dành kinh phí cho việc triển khai các nhiệm vụ chủ yếu được giao và tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao quá chậm...

*Như vậy, đổi mới cơ chế tài chính đối với khoa học xã hội nhằm nâng cao quyền tự chủ của các chủ nhiệm đề tài, dự án, đảm bảo hiệu quả cao trong nghiên cứu khoa học gắn với kết quả đầu ra của các đề tài, dự án. Đó là việc đổi mới định mức phân bổ ngân sách và định mức chi tiêu, là đổi mới phương thức lập, xét duyệt và giao dự toán kinh phí đối với hoạt động khoa học xã hội. Đặc biệt là việc đổi mới quản lý, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán tài chính theo hướng khoán gọn kinh phí gắn với nghiệm thu đánh giá chính xác kết quả đầu ra của các đề tài, dự án. Để đảm bảo thực hiện tốt phương hướng đổi mới cơ chế tài chính, cần phải thực thi một số giải pháp hỗ trợ đồng bộ./.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn kiện Đại hội VIII và IX của Đảng CSVN.
2. Nghị quyết hội nghị TƯ Đảng lần thứ 2 (khoá VIII).
3. Luật Khoa học - công nghệ và Luật Ngân sách nhà nước.
4. Thông tư 49/TC-KHCN và Thông tư 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT của Liên bộ Tài chính - Khoa học và công nghệ.
5. Khoa học và công nghệ Việt Nam 1996-2000 và 2001 - Bộ KH- CN.
6. Báo cáo kết quả điều tra, nghiên cứu của dự án RAPOGE.
7. Báo cáo của Sở Khoa học - công nghệ các tỉnh, thành phố.